

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính Quý 4.2019

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHDQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Từ ngày 20 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2015
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Đến ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Từ ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Từ ngày 07 tháng 08 năm 2019

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 này là ông Trần Vinh Quang.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính Quý 04/2019 của Công ty cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính Quý 04/2019 cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Quý 04/2019, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019, tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 04/2019 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 04/2019. Trong quá trình lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính Quý 04/2019; và
- ▶ lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính Quý 04/2019 của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính Quý 04/2019 kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Quý 04/2019 của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019, tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 04/2019 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 04/2019 cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 04/2019.

Thay mặt Ban Điều hành:



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (trình bày lại) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>36.903.111.542</b>	<b>35.659.061.638</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.323.948.810</b>	<b>8.307.305.103</b>
111	1. Tiền		823.948.810	1.007.305.103
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.500.000.000	7.300.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>27.270.000.000</b>	<b>27.270.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	27.270.000.000	27.270.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>275.420.478</b>	<b>820.001</b>
132	1. Trả trước cho người bán		11.990.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		262.871.574	-
135	3. Các khoản phải thu khác		558.904	820.001
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>33.742.254</b>	<b>80.936.534</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	30.742.254	38.805.892
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			42.130.642
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		3.000.000	
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>372.107.338</b>	<b>654.567.208</b>
<b>260</b>	<b>I. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>372.107.338</b>	<b>654.567.208</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	349.025.799	622.356.409
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	23.081.539	32.210.799
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>37.275.218.880</b>	<b>36.313.628.846</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.018.791.624</b>	<b>6.555.025.692</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.018.791.624</b>	<b>6.555.025.692</b>
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.372.408.963	1.491.776.797
315	2. Phải trả người lao động		1.431.945.622	2.949.388.544
316	3. Chi phí phải trả	11	70.000.000	120.000.000
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	-
323	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		144.437.039	1.993.860.351
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>34.256.427.256</b>	<b>29.758.603.154</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.502.584.086	1.271.934.046
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.502.584.086	1.271.934.046
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.251.259.084	2.214.735.062
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>37.275.218.880</b>	<b>36.313.628.846</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
006	<b>1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>		<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		27.000.000.000	27.000.000.000
030	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>10.159.902.758</b>	<b>103.379.232.224</b>
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	20	10.159.902.758	103.379.232.224
040	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>352.390.591.189</b>	<b>297.854.807.612</b>
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	21	352.390.591.189	297.854.807.612
050	<b>Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>22</b>	<b>601.620.000</b>	<b>137.430.247</b>
051	<b>Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>23</b>	<b>1.197.461.272</b>	<b>1.734.228.885</b>



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 04/2019 VND	Quý 4/2018 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 VND
10	1. Doanh thu		1.565.316.484	1.768.774.637	6.763.760.283	8.753.020.937
11	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	13	1.565.316.484	1.768.774.637	6.763.760.283	8.753.020.937
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	14	1.407.881.166	1.384.374.244	4.572.402.553	5.093.875.670
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		157.435.318	384.400.393	2.191.357.730	3.659.145.267
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15	100.295.340	95.852.442	5.119.710.913	230.933.335
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	16	-	-	-	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		587.404.137	840.906.045	1.505.453.630	1.795.852.025
30	8. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(329.673.479)	(360.653.210)	5.805.615.013	2.094.226.577
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		-	-	1.864.025	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-	(1.864.025)	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(329.673.479)	(360.653.210)	5.803.750.988	2.094.226.577
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	(35.934.3696)	(42.130.642)	1.190.750.198	448.845.316
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(293.738.783)	(318.522.568)	4.613.000.790	1.645.381.261
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(117)	(127)	1.845	658

*[Handwritten signature]*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



*[Handwritten signature]*

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*[Handwritten signature]*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO THUYẾT MINH TIỀN TỆ

Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>5.803.750.988</b>	<b>2.094.226.577</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng		-	-
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(5.119.710.913)	(230.933.335)
	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>684.040.075</b>	<b>1.863.293.242</b>
09	1. Giảm các khoản phải thu		(274.600.477)	29.460.977.763
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		(6.335.982.890)	(6.237.727.007)
12	3. Giảm chi phí trả trước		329.654.150	(563.997.404)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17.1	(470.778.064)	(5.441.877.887)
16	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		1.964.600.000	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.103.067.206)</b>	<b>19.080.668.707</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5	-	-
27	4. Lãi tiền gửi thu được		5.119.710.913	230.113.334
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>5.119.710.913</b>	<b>230.113.334</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.500.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(12.500.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1.016.643.707</b>	<b>6.810.782.041</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>8.307.305.103</b>	<b>1.496.523.062</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>9.323.948.810</b>	<b>8.307.305.103</b>



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng




Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 01 năm 2020

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2018		Đến 31/12/2018		Đến 31/12/2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2018 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.189.664.983	1.271.934.046	82.269.063		230.650.040		1.271.934.046	1.502.584.086
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.189.664.983	1.271.934.046	82.269.063		230.650.040		1.271.934.046	1.502.584.086
4. Lợi nhuận chưa phân phối		14.842.282.662	2.214.735.062	1.480.843.135	14.108.390.735	4.151.700.710	115.176.688	2.214.735.062	6.251.259.084
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>42.221.612.628</b>	<b>29.758.603.154</b>	<b>1.645.381.261</b>	<b>14.108.390.735</b>	<b>4.613.000.790</b>	<b>115.176.688</b>	<b>29.758.603.154</b>	<b>34.256.427.256</b>

*(Handwritten signature)*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*(Handwritten signature)*

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2020



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99.2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 9 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 9 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính Quý 04/2019 của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán Quý 04/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019, báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 04/2019, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu Quý 04/2019 và các thuyết minh báo cáo tài chính Quý 04/2019 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính Quý 04/2019, kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019 và lưu chuyển tiền tệ Quý 04/2019 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính Quý 04/2019 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán Quý 04/2019 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.7 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính Quý 04/2019.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 04/2019, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 04/2019, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán Quý 04/2019 nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Tiền mặt bằng VND	63.195.094	24.210.476
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	760.753.716	983.094.627
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	637.907.388	669.899.423
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.097.441	300.009.438
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13.265.099	13.185.766
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương-CN Hoàn Kiếm	106.483.788	-
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	8.500.000.000	7.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	2.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương-CN Hoàn Kiếm	8.500.000.000	-
	<b>9.323.948.810</b>	<b>8.307.305.103</b>

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	3.030.000.000	3.030.000.000
	<b>27.270.000.000</b>	<b>27.270.000.000</b>

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	-	-
Phải thu phí quản lý quỹ	262.871.574	-
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	558.904	820.001
Trả trước cho người bán	11.990.000	-
	<b>275.420.478</b>	<b>820.001</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
Cước dịch vụ internet	-	8.250.000
Khác	10.942.254	10.755.892
	<b>30.742.254</b>	<b>38.805.892</b>

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	304.732.953	564.053.925
Chi phí xây dựng Website TVAM	-	7.833.327
Công cụ, dụng cụ	-	7.019.160
Cước dịch vụ internet	14.142.856	
Khác	30.149.990	43.449.997
	<b>349.025.799</b>	<b>622.356.409</b>

## 9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	8.081.539	17.210.799
	<b>23.081.539</b>	<b>32.210.799</b>

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 17.1)	677.841.492	(42.130.642)
Thuế thu nhập cá nhân	694.567.471	1.491.776.797
	<b>1.372.408.963</b>	<b>1.449.646.155</b>

## 11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 12. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 178/QĐ-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	24.800.000.000	99.20	24.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.40	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.40	100.000.000
	<b>25.000.000.000</b>	<b>100.00</b>	<b>25.000.000.000</b>

## 13. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	755.226.483	849.154.362
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	755.226.483	849.154.362
- Khác		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	418.396.420	510.483.151
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	391.693.581	409.137.124
	<b>1.565.316.484</b>	<b>1.768.774.637</b>

## 14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nhân viên	939.660.238	984.657.432
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.628.185	166.602.878
Chi phí thuê văn phòng	132.543.075	124.133.594
Thuế, phí và lệ phí	2.208.000	2.803.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.862.997	53.559.641
Chi phí bằng tiền khác	137.978.671	52.617.346
	<b>1.407.881.166</b>	<b>1.384.374.244</b>

## 15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi	100.295.340	95.852.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	
	<b>100.295.340</b>	<b>95.852.442</b>



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	331.121.022	559.088.975
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.725.000	-
Thuế, phí và lệ phí	1.623.600	1.910.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.227.026	2.416.936
Chi phí khác	245.707.489	277.489.434
	<b>587.404.137</b>	<b>840.906.045</b>

## 17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính Quý 04/2019 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 17.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 04/2019 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 04/2019.

### 17.2 Chi phí Thuế TNDN

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>(329.673.479)</b>	<b>(360.653.210)</b>
<i>Điều chỉnh:</i>		
<i>Thù lao HĐQT</i>		
<b>Lợi nhuận tính thuế ước tính</b>	<b>(329.673.479)</b>	<b>(360.653.210)</b>
Chuyển lỗ	-	-
<b>Thuế TNDN tạm tính (20%)</b>	<b>(65.934.695)</b>	<b>(72.130.642)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	30.000.000	30.000.000
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>(35.934.695)</b>	<b>(42.130.642)</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty ( <i>đồng</i> )	(293.738.784)	(318.522.568)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> )	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>đồng/cổ phiếu</i> )	(117)	(127)

## 19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u><i>Bên liên quan</i></u>	<u><i>Mối quan hệ</i></u>	<u><i>Nội dung nghiệp vụ</i></u>	<u><i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i></u>	<u><i>Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND</i></u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	755.226.483	849.154.362
		Tăng tiền gửi ủy thác	124.792.332.323	107.051.157.430
		Giảm tiền gửi ủy thác	(210.712.726.395)	(115.309.091.588)
		Chi cổ tức trong năm	-	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phí lưu ký	(2.208.000)	(2.803.353)
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	418.396.420	510.483.151
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	-	-
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	391.693.581	409.137.124

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u><i>Bên liên quan</i></u>	<u><i>Mối quan hệ</i></u>	<u><i>Nội dung nghiệp vụ</i></u>	<u><i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i></u>	<u><i>Giai đoạn từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND</i></u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	135.785.042	-
		Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
		Đầu tư ngắn hạn	3.030.000.000	3.030.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	127.086.532	-
Lương của Ban Giám Đốc			1.070.458.727	226.872.000

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	103.379.232.224	68.727.795.841
Tăng trong kỳ	477.671.694.949	533.123.056.140
Giảm trong kỳ	(570.891.024.415)	(477.516.725.219)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.159.902.758</b>	<b>124.334.126.762</b>

## 21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>344.619.520.680</b>	<b>297.854.807.612</b>
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	<b>122.185.465.858</b>	
BSR	-	36.857.398.435
MWG	-	32.773.069.000
KBC	-	28.880.306.003
LPB	27.051.340.000	24.476.720.000
TCM	12.589.210.000	21.913.625.009
MBB		15.442.000.000
DHC		11.017.000.000
CII		10.856.079.000
HUT		10.800.000.000
REE		8.081.537.500
DCM		8.075.137.000
SCR		7.988.750.000
CEE		6.527.364.000
SSI	36.628.010.600	6.243.355.600
LHG		2.107.978.000
VSC	55.900	1.294.476.483
VJC		880.800
DMC		693.600
HSG		196.000
KSB	100.250	194.091
FCN	94.150	138.582
CEO	8.634.395.258	-
PME		-
CTD	339.000	-
NLG	15.748.430.500	
TCB	21.533.055.500	
VCI		
MSN	400.000	
DXG	34.700	

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phải thu cổ tức	389.600.000	136.296.000
Phải thu lãi tiền gửi	-	1.134.247
Phải thu bán chứng khoán	212.020.000	-
	<b>601.620.000</b>	<b>137.430.247</b>

## 23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.182.729.500	1.723.000.000
Phải trả phí khác	14.731.772	11.228.885
	<b>1.197.461.272</b>	<b>1.734.228.885</b>

## 24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Dưới một (1) năm	<b>530.173.300</b>	<b>530.173.300</b>

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

*Rủi ro lãi suất*

Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

## 25.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 25.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	823.948.810	8.500.000.000	-	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	262.871.574	-	262.871.574
Các khoản phải thu khác	-	558.904	-	558.904
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	23.081.539	23.081.539
	<b>28.093.948.810</b>	<b>8.763.430.478</b>	<b>23.081.539</b>	<b>36.880.460.827</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	70.000.000
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.007.305.103	7.300.000.000	-	8.307.305.103
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	820.001	-	820.001
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	32.210.799	32.210.799
	<b>28.277.305.103</b>	<b>7.300.820.001</b>	<b>32.210.799</b>	<b>35.610.335.903</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	-	120.000.000	-	120.000.000

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
Quý 04/2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B09a-CTQ

## 26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính Quý 04/2019 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.323.948.810	8.307.305.103	9.323.948.810	8.307.305.103
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	27.270.000.000	31.890.000.000	37.830.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	262.871.574	-	262.871.574	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	23.081.539	32.210.799	23.081.539	32.210.799
Các khoản phải thu khác	558.904	820.001	558.904	820.001
	<b>36.880.460.827</b>	<b>35.610.335.903</b>	<b>41.500.460.827</b>	<b>46.170.335.903</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	<b>70.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>120.000.000</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 04/2019 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính Quý 04/2019.



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2020